

Số: 1141 /SXĐ-HĐ
V/v hướng dẫn lập và điều
chỉnh dự toán xây dựng theo
mức lương tối thiểu quy định tại
Nghị định 70/2011/NĐ-CP

Long An, ngày 06 tháng 02 năm 2012

Kính gửi:

- Các Sở, Ban ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Tân An.

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003-QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/9/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định 48/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính Phủ quy định về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT ngày 05/11/2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 08/2010/TT-BXD ngày 29/7/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp điều chỉnh giá Hợp đồng xây dựng; Căn cứ Thông tư 06/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình;

Căn cứ công văn số 1730/BXD-KTXD ngày 20/10/2011 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn điều chỉnh dự toán công trình theo mức lương tối thiểu mới từ ngày 01/10/2011 theo Nghị định số 70/2011/NĐ-CP;

Căn cứ công văn số 2928/UBND-TH ngày 07/09/2011 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn điều chỉnh lương tối thiểu vùng;

Căn cứ công văn số 4259/UBND - CN ngày 12/12/2011 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; lập dự toán và thanh toán dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Long An và công văn số 205/UBND-CN ngày

18/01/2012 của UBND tỉnh V/v mức lương trong việc hướng dẫn lập và điều chỉnh dự toán công trình.

Sở Xây dựng Long An hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình, hạng mục công trình trên địa bàn tỉnh Long An theo mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định số 70/2011/NĐ-CP như sau:

A. TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH:

1. Nội dung tổng mức đầu tư:

Bao gồm: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác và chi phí dự phòng.

2. Phương pháp lập tổng mức đầu tư:

Các phương pháp lập tổng mức đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP và được hướng dẫn cụ thể tại Phụ lục số 01 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng. Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm lựa chọn phương pháp lập tổng mức đầu tư phù hợp với đặc điểm, yêu cầu của dự án.

*** Chi phí xây dựng:**

- Chi phí xây dựng bao gồm: chi phí phá và tháo dỡ các công trình xây dựng; chi phí san lấp mặt bằng xây dựng; chi phí xây dựng các công trình, hạng mục công trình chính, công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công; chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công.

- Chi phí xây dựng của dự án bằng tổng chi phí xây dựng của các công trình, hạng mục công trình thuộc dự án và được xác định theo một trong bốn phương pháp sau:

+ Một là: Tính theo thiết kế cơ sở của dự án. Trong đó chi phí xây dựng được tính theo khối lượng Chủ yếu từ thiết kế cơ sở, các khối lượng khác dự tính và giá xây dựng phù hợp với thị trường;

+ Hai là: Tính theo diện tích hoặc công suất sử dụng của công trình và giá xây dựng tổng hợp theo bộ phận kết cấu, theo diện tích, công năng sử dụng (sau đây gọi là giá xây dựng tổng hợp), suất vốn đầu tư xây dựng công trình tương ứng tại thời điểm lập dự án có điều chỉnh, bổ sung những chi phí chưa tính trong giá xây dựng tổng hợp và suất vốn đầu tư để xác định tổng mức đầu tư. Suất vốn đầu tư tính dựa trên cơ sở tham khảo suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng công bố định kỳ hàng quý, hàng năm, nếu vị trí xây dựng phải gia cố đặc biệt về nền móng công trình thì suất đầu tư được cộng thêm khoảng chi phí theo kinh nghiệm của đơn vị tư vấn thiết kế;

+ Ba là: Tính trên cơ sở số liệu của các dự án có chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật tương tự đã thực hiện. Khi áp dụng phương pháp này phải tính quy đổi các số liệu của dự án tương tự về thời điểm lập dự án và điều chỉnh các khoản mục chi phí chưa xác định trong tổng mức đầu tư;

- Bốn là: Kết hợp cả ba phương pháp trên.

*** Chi phí thiết bị:**

- Chi phí thiết bị bao gồm: Chi phí mua sắm thiết bị công nghệ (kể cả thiết bị công nghệ phi tiêu chuẩn cần sản xuất, gia công); chi phí đào tạo và chuyển

giao công nghệ; chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm, hiệu chỉnh; thiết bị; chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị; thuế, phí và các chi phí liên quan. Việc xác định chi phí thiết bị được tính theo một trong ba phương pháp sau:

- Một là: Số lượng, Chúng loại thiết bị phù hợp với thiết kế công nghệ, giá thiết bị trên thị trường và các yếu tố khác (nếu có);

- Hai là: Hoặc tính dựa trên cơ sở tham khảo suất vốn đầu tư xây dựng công trình tương ứng tại thời điểm lập dự án do Bộ Xây dựng công bố;

- Ba là: Kết hợp cả hai phương pháp trên.

*** Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:**

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bao gồm: Chi phí bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng trên đất và các chi phí bồi thường khác; các khoản hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất; chi phí thực hiện tái định cư có liên quan đến bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án; chi phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí sử dụng đất trong thời gian xây dựng; chi phí chi trả cho phần hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư.

- Việc xác định chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư : Được tính theo khối lượng phải bồi thường hỗ trợ, tái định cư của dự án và các chế độ của nhà nước có liên quan.

*** Chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác:**

- Các khái niệm về chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác thực hiện theo Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010.

- Chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác xác định bằng cách lập dự toán, hoặc tính theo định mức chi phí tỷ lệ do Bộ Xây dựng công bố. Tổng các chi phí này (không bao gồm lãi vay trong thời gian thực hiện dự án và vốn lưu động ban đầu) cũng có thể được ước tính từ 10+ 15 % của tổng chi phí xây dựng và chi phí thiết bị của dự án.

- Một số khoản mục chi phí thuộc nội dung chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác của dự án nếu chưa có quy định hoặc chưa tính được ngay thì được bổ sung và dự tính để đưa vào tổng mức đầu tư.

- Trường hợp các công trình của dự án phải thuê tư vấn nước ngoài thực hiện một số công việc thì chi phí tư vấn được lập dự toán theo quy định hiện hành phù hợp với yêu cầu sử dụng tư vấn cho công trình hoặc giá trị hợp đồng tư vấn đã ký kết để ghi vào dự toán.

- Đối với một số công trình xây dựng chuyên ngành có các yếu tố chi phí đặc thù, công trình sử dụng vốn ODA; ngoài các chi phí nêu trên còn các chi phí khác có liên quan thì được bổ sung các chi phí khác này, Chủ đầu tư quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc bổ sung các chi phí này.

*** Chi phí dự phòng (xem hướng dẫn tại phụ lục 1 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010):**

- Chi phí dự phòng bao gồm: chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh chưa lường trước được khi lập dự án và chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá trong thời gian thực hiện dự án.

- Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh được tính bằng tỷ lệ (%) trên tổng chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác.

- Đối với chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh chưa lường trước thì hệ số dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh là 10%. Riêng đối với trường hợp chi lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật thì hệ số dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh là 5%.

- Đối với chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá thì căn cứ vào thời gian thực hiện dự án (tính bằng tháng, quý, năm), tiến độ phân bổ vốn, tình hình biến động giá trên thị trường trong thời gian thực hiện dự án và chỉ số giá xây dựng công trình theo loại công trình của tối thiểu 3 năm gần nhất so với thời điểm tính toán để xác định.

- Chỉ số giá xây dựng được tính dựa trên một trong hai phương pháp sau:

+ Một là: Trên cơ sở tham khảo chỉ số giá xây dựng do Bộ Xây dựng công bố định kỳ (quý, năm);

+ Hai là: Lập chỉ số giá dựa theo hướng dẫn xác định tại Thông tư số 02/2011/TT-BXD ngày 22/01/2011 của Bộ Xây dựng.

3. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt tổng mức đầu tư; Quyền và trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Thẩm quyền và trách nhiệm của Người quyết định đầu tư thực hiện theo Điều 24, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

- Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định tổng mức đầu tư hoặc thuê các tổ chức, cá nhân tư vấn đủ điều kiện năng lực để thẩm tra tổng mức đầu tư. Các tổ chức tư vấn, cá nhân thực hiện công tác quản lý chi phí đủ điều kiện năng lực theo quy định tại Chương V của Nghị định 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lý, chính xác của kết quả thực hiện;

- Tổng mức đầu tư được ghi trong quyết định đầu tư do người quyết định đầu tư phê duyệt;

- Quyền và trách nhiệm của Chủ đầu tư: thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước và văn bản số 4183/UBND - CN ngày 07/12/2011 của UBND tỉnh về việc tăng cường trách nhiệm, quyền hạn của chủ đầu tư trong quản lý xây dựng cơ bản.

4. Điều chỉnh tổng mức đầu tư:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình có sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây (theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản):

+ Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc sự kiện bất khả kháng khác;

+ Xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án;

+ Khi quy hoạch xây dựng thay đổi trực tiếp ảnh hưởng đến địa điểm, quy mô, mục tiêu của dự án;

+ Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

- Trường hợp điều chỉnh tổng mức đầu tư: khi thay đổi cơ cấu các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư, kể cả sử dụng chi phí dự phòng để điều chỉnh mà tổng mức đầu tư đã điều chỉnh không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì Chủ đầu tư tự quyết định, chịu trách nhiệm về việc phê duyệt tổng mức đầu tư điều chỉnh. Trường hợp tổng mức đầu tư sau khi đã điều chỉnh vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì Chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

- Phân tổng mức đầu tư điều chỉnh thay đổi so với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt phải được tổ chức thẩm định hoặc thẩm tra trước khi phê duyệt.

- Nếu việc điều chỉnh tổng mức đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này làm tăng quy mô (nhóm) dự án thì việc quản lý dự án vẫn thực hiện theo quy mô (nhóm) dự án đã được phê duyệt trước khi điều chỉnh. Riêng công tác quyết toán vốn đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước

B. DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (sau đây gọi tắt là dự toán công trình):

1. Nội dung dự toán công trình:

- Bao gồm: Chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng của công trình.

2. Phương pháp lập dự toán công trình và định mức vật tư:

*** Phương pháp lập dự toán công trình:**

- Tham khảo hướng dẫn Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng quy định.

+ Đơn giá xây dựng công trình có thể tham khảo cách lập tại phụ lục số 6 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng, theo đơn giá do Sở Xây dựng Long An đã công bố gồm:

+ Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Long An - Phần xây dựng (Văn bản công bố số 30/SXD-XD ngày 08/01/2008);

+ Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Long An - Phần lắp đặt (Văn bản công bố số 31/SXD-XD ngày 08/01/2008);

+ Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Long An - Phần khảo sát xây dựng (Văn bản công bố số 33/SXD-XD ngày 08/01/2008);

+ Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Long An - Phần khảo sát xây dựng các công trình chuyên ngành (Văn bản công bố số 92/SXD-XD ngày 21/01/2008);

+ Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Long An - Phần đơn giá sửa chữa nhà (Văn bản công bố số 32/SXD-XD ngày 08/01/2008);

+ Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Long An - Phần bảng giá dự toán ca máy và thiết bị thi công (Văn bản công bố số 28/SXD-XD ngày 08/01/2008).

*** Định mức vật tư:**

- Phương pháp lập định mức theo hướng dẫn tại Phụ lục số 5 của Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng.

+ Định mức vật tư được xác định trên cơ sở lập định mức xây dựng công trình hoặc tham khảo định mức do Bộ Xây dựng đã công bố gồm:

+ Định mức vật tư xây dựng cơ bản (Công văn công bố số 1784/BXD-VP

ngày 16/8/2007);

+ Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần xây dựng (Công văn công bố số 1776/BXD-VP ngày 16/8/2007);

+ Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần lắp đặt hệ thống điện trong công trình; ống và phụ tùng ống; bảo ôn đường ống, phụ tùng và thiết bị; khai thác nước ngầm (Công văn công bố số 1777/BXD-VP ngày 16/8/2007);

+ Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần lắp đặt máy, thiết bị (Công văn công bố số 1782/BXD-VP ngày 16/8/2007);

+ Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần khảo sát xây dựng (Công văn công bố số 1779/BXD-VP ngày 16/8/2007);

+ Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần thí nghiệm vật liệu, cấu kiện và kết cấu xây dựng (Công văn công bố số 1780/BXD-VP ngày 16/8/2007);

+ Định mức dự toán xây dựng công trình - Phần thí nghiệm đường dây điện và trạm biến áp (Công văn công bố số 1781/BXD-VP ngày 16/8/2007);

+ Định mức dự toán công tác sửa chữa trong xây dựng cơ bản (Công văn công bố số 1778/BXD-VP ngày 16/8/2007).

3. Điều chỉnh dự toán chi phí xây dựng:

- Lấy mức lương tối thiểu của vùng III (mức 1.550.000 đồng) và mốc thời gian từ ngày 01/10/2011 để áp dụng trong việc lập và điều chỉnh dự toán xây dựng công trình cho toàn tỉnh.

a. Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Long An - Phần xây dựng :

- Chi phí nhân công:

+ Nơi phụ cấp khu vực = 0,00 : Hệ số là : 3,444

+ Nơi phụ cấp khu vực = 0,10 : Hệ số là : 3,553

+ Nơi phụ cấp khu vực = 0,20 : Hệ số là : 3,662

+ Nơi phụ cấp khu vực = 0,30 : Hệ số là : 3,771

- Địa danh có phụ cấp khu vực quy định theo Thông tư Liên Tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH- BTC- UBDS ngày 05/11/2005 (xem phụ lục số 1 kèm theo văn bản này).

Các hệ số điều chỉnh nêu trên áp dụng cho các loại công tác xây lắp thuộc nhóm I bảng lương A.1.8 ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ (xem phụ lục số 2 kèm theo văn bản này).

- Đối với các công tác xây lắp của các công trình thuộc các nhóm khác của bảng lương A.1.8 thì sau khi đã điều chỉnh theo hệ số nhóm I nêu trên, được nhân tiếp với hệ số điều chỉnh như sau:

+ Thuộc nhóm II : Hệ số là 1,062

+ Thuộc nhóm III : Hệ số là 1,171

- Chi phí máy thi công

+ Hệ số điều chỉnh: K = 1,770

b. Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Long An - Phần lắp đặt :

- Chi phí nhân công:

+ Nơi phụ cấp khu vực = 0,00 : Hệ số là : 3,444

+ Nơi phụ cấp khu vực = 0,10 : Hệ số là : 3,553

+ Nơi phụ cấp khu vực = 0,20 : Hệ số là : 3,662

+ Nơi phụ cấp khu vực = 0,30 : Hệ số là : 3,771

- Địa danh có phụ cấp khu vực quy định theo Thông tư Liên Tịch số

11/2005/TTLT-BNV-BLĐT BXH- BTC- UBND ngày 05/11/2005 (xem phụ lục số 1 kèm theo văn bản này).

- Các hệ số điều chỉnh nêu trên áp dụng cho các loại công tác xây lắp thuộc nhóm II bảng lương A.1.8 ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ (xem phụ lục số 2 kèm theo văn bản này).

- Riêng công tác lắp đặt điện trong công trình thì sau khi đã điều chỉnh theo hệ số nhóm I (Bo/1,062), được nhân tiếp các hệ số điều chỉnh nêu trên.

- **Chi phí máy thi công**

+ Hệ số điều chỉnh: $K = 1,770$

c. Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Long An - Phân khảo sát xây dựng :

- **Chi phí nhân công :**

+ Hệ số điều chỉnh : $K = 3,444$

- **Chi phí máy thi công**

+ Hệ số điều chỉnh: $K = 1,770$

*** Cách tính:**

- (Vật tư + nhân công x hệ số điều chỉnh x 1,70 + Máy x hệ số điều chỉnh) x 1,06 =
Đơn giá tổng hợp (chưa có thuế giá trị gia tăng).

d. Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Long An - Phân khảo sát xây dựng các công trình xây dựng chuyên ngành:

- **Chi phí nhân công :**

+ Hệ số điều chỉnh: $K = 7,380$

- **Chi phí máy thi công**

+ Hệ số điều chỉnh: $K = 3,065$

*** Cách tính:**

- (Vật tư + nhân công x hệ số điều chỉnh x 1,70 + Máy x hệ số điều chỉnh) x 1,06 =
Đơn giá tổng hợp (chưa có thuế giá trị gia tăng).

e. Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Long An - Phân sửa chữa nhà :

- **Chi phí nhân công:**

+ Nơi phụ cấp khu vực = 0,00 : Hệ số là : 10,764

+ Nơi phụ cấp khu vực = 0,10 : Hệ số là : 11,223

+ Nơi phụ cấp khu vực = 0,20 : Hệ số là : 11,683

+ Nơi phụ cấp khu vực = 0,30 : Hệ số là : 12,143

- Địa danh có phụ cấp khu vực quy định theo Thông tư Liên Tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐT BXH- BTC- UBND ngày 05/11/2005 (xem phụ lục số 1 kèm theo văn bản này).

Các hệ số điều chỉnh nêu trên áp dụng cho các loại công tác xây lắp thuộc nhóm I bảng lương A6 Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ.

- Đối với các công tác xây lắp của các công trình thuộc các nhóm khác của bảng lương A6 thì sau khi đã điều chỉnh theo hệ số nhóm I nêu trên, được nhân tiếp với hệ số điều chỉnh như sau :

+ Thuộc nhóm II : Hệ số là 1,062

+ Thuộc nhóm III, IV : Hệ số là 1,171

- **Chi phí máy thi công**

+ Hệ số điều chỉnh: $K = 3,519$

f. Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Long An - Phân bảng giá dự toán

ca máy và thiết bị thi công :

+ Hệ số điều chỉnh: $K = 1,770$

g. Điều chỉnh một số khoản mục chi phí khác: tính bằng tỉ lệ (%) trong dự toán xây dựng theo các quy định hiện hành của nhà nước.

C. ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG KHI LẬP TỔNG DỰ TOÁN, DỰ TOÁN ÁP DỤNG BỘ ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH (phụ lục số 04-a)

- Lấy mức lương tối thiểu của vùng III (mức 1.550.000 đồng) và mốc thời gian từ ngày 01/10/2011 để áp dụng trong việc lập và điều chỉnh dự toán xây dựng công trình cho toàn tỉnh.

1. Chi phí trực tiếp:

Bao gồm: Chi phí vật tư, chi phí nhân công và chi phí máy thi công.

*** Số lượng vật tư:**

Số lượng vật tư công tác Duy trì hệ thống thoát nước đô thị; Thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị; Duy trì cây xanh đô thị; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng áp dụng theo tập định mức:

- Định mức dự toán Duy trì hệ thống thoát nước đô thị (Công bố kèm theo văn bản số 2271/BXD-VP ngày 10/11/2008 của Bộ Xây dựng).

- Định mức dự toán Thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị (Công bố kèm theo văn bản số 2272/BXD-VP ngày 10/11/2008 của Bộ Xây dựng).

- Định mức dự toán Duy trì cây xanh đô thị (Công bố kèm theo văn bản số 2273/BXD-VP ngày 10/11/2008 của Bộ Xây dựng).

- Định mức dự toán Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng (Công bố kèm theo văn bản số 2274/BXD-VP ngày 10/11/2008 của Bộ Xây dựng).

- Định mức Dịch vụ công ích đô thị - Phần bổ sung tỉnh Long An (Công bố kèm theo Quyết định số 1674/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 08/7/2009 của UBND tỉnh Long An).

*** Đơn giá vật tư:** Đơn giá vật tư được xác định trên cơ sở báo giá của các nhà sản xuất, thông tin giá của nhà cung cấp hoặc giá đã được áp dụng cho các công tác khác có cùng tiêu chuẩn về chất lượng hoặc giá do địa phương công bố.

2. Chi phí nhân công và máy thi công:

*** Chi phí nhân công áp dụng theo:**

- Đơn giá dự toán Duy trì hệ thống thoát nước đô thị; Đơn giá dự toán Thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị; Đơn giá dự toán Duy trì cây xanh đô thị; Đơn giá dự toán Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng (Công bố kèm theo Quyết định số 1674/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 08/7/2009 của UBND tỉnh Long An).

- Chi phí nhân công: Duy trì hệ thống thoát nước đô thị; thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị; duy trì cây xanh đô thị; duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng.

- Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công:

+ Nơi phụ cấp khu vực = 0,00	:	Hệ số là :	2,246
+ Nơi phụ cấp khu vực = 0,10	:	Hệ số là :	2,300
+ Nơi phụ cấp khu vực = 0,20	:	Hệ số là :	2,354
+ Nơi phụ cấp khu vực = 0,30	:	Hệ số là :	2,408

- Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công : 1,719

D. Tổ chức thực hiện:

- Văn bản này áp dụng đối với các công trình, hạng mục công trình, gói thầu sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên, bao gồm: vốn ngân sách, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là vốn ODA), vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh và vốn đầu tư khác của nhà nước. Đối với nguồn vốn khác có thể tham khảo để thực hiện.

- Việc điều chỉnh giá hợp đồng, thanh toán khối lượng thực hiện hoàn thành từ ngày 01/10/2011: thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký kết giữa các bên và quy định của nhà nước có liên quan.

- Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình:

+ Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 và Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thì việc điều chỉnh dự toán công trình do Chủ đầu tư thực hiện nhưng không được vượt tổng mức đầu tư phê duyệt.

+ Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định trước ngày Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình có hiệu lực thi hành, Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh dự toán xây dựng trên cơ sở điều chỉnh chi phí nhân công, chi phí máy thi công (phần nhân công) theo mức lương tối thiểu mới đối với những khối lượng còn lại của dự án, gói thầu thực hiện từ ngày 01/10/2011. Nếu dự toán công trình điều chỉnh làm vượt tổng mức đầu tư thì Chủ đầu tư báo cáo Người quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

+ Đối với công trình, hạng mục công trình của các dự án thi công dở dang thì khối lượng xây dựng thực hiện kể từ ngày 01/10/2011 trong tiến độ thi công xây dựng của hợp đồng (bao gồm cả thời gian gia hạn hợp lý được Chủ đầu tư chấp thuận) được áp dụng điều chỉnh. Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu xác định khối lượng này cùng đơn vị thi công và ký bổ sung phụ lục hợp đồng để đảm bảo quyền lợi của người lao động. Trường hợp dự toán điều chỉnh làm vượt tổng mức đầu tư thì Chủ đầu tư báo cáo Người quyết định đầu tư xem xét, quyết định.

. Khi thực hiện điều chỉnh, Chủ đầu tư căn cứ vào khối lượng thực hiện kể từ ngày 01/10/2011; chi phí nhân công, chi phí máy thi công để tính giá trị điều chỉnh và ký phụ lục hợp đồng. Khi thanh quyết toán, các đơn vị kiểm soát thanh toán và thẩm tra phê duyệt quyết toán thực hiện kiểm tra giá trị điều chỉnh.

. Đối với trường hợp công trình kéo dài tiến độ do những nguyên nhân khách quan, không do lỗi của nhà thầu thi công thì nhà thầu thi công trình Chủ đầu tư xem xét chấp thuận cho điều chỉnh tiến độ thi công tương ứng với thời gian kéo dài hợp lý (nếu vượt tổng tiến độ của dự án thì phải trình cấp quyết định đầu tư xem xét) và khối lượng thi công tương ứng này vẫn được xem xét điều chỉnh. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm xác định thời gian chậm tiến độ được điều chỉnh, giá trị điều chỉnh và ký phụ lục hợp đồng.

- Quy định về thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình : thực hiện theo hướng dẫn chi tiết tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Văn bản hướng dẫn này thay thế văn bản hướng dẫn số 1070/SXD-HE ngày 23/6/2011 của Sở Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, đề nghị các đơn vị thông báo về Sở Xây dựng để Sở xem xét, giải quyết theo thẩm quyền; hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng chỉ đạo giải quyết nếu vượt thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo) ;
- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở ;
- Lưu: VT, HE.



Võ Văn Thành




THỤ LỤC SỐ 01

ĐỊA DANH CƠ SỞ SỞ PHỤ CẤP KHU VỰC

(Kèm theo văn bản số 111/SXD-HP ngày 06/02/2013 của Sở Xây dựng tỉnh Long An).

1. Huyện Tân Hưng
 - Hệ số 0,3:
Xã Hưng Hà, Hưng Điền, Hưng Điền B.
 - Hệ số 0,2:
Các xã: Vĩnh Thạnh, Hưng Đông, Vĩnh Châu A, Vĩnh Đại, Vĩnh Châu B, Vĩnh Lợi, Thạnh Hưng, Vĩnh Bửu.
2. Huyện Vĩnh Hưng
 - Hệ số 0,3:
Các xã: Thái Bình Trung, Thái Trị, Hưng Điền A, Khánh Hưng.
 - Hệ số 0,2:
Các xã: Tuyên Bình, Vĩnh Trị, Vĩnh Thuận, Vĩnh Bình, Tuyên Bình Tây.
3. Huyện Mộc Hóa
 - Hệ số 0,3:
Các xã: Thạnh Trị, Bình Tân.
 - Hệ số 0,2:
Các xã: Tuyên Thạnh, Thạnh Hưng, Tân Lập, Tân Thành, Bình Phong Thạnh, Bình Hòa Đông, Bình Hòa Trung, Bình Thạnh, Bình Hòa Tây, Bình Hiệp.
4. Huyện Tân Thạnh
 - Hệ số 0,2:
Các xã: Nhơn Hòa Lập, Hậu Thạnh Đông, Hậu Thạnh Tây, Bắc Hòa, Tân Thành, Tân Ninh, Nhơn Ninh.
 - Hệ số 0,1:
Các xã: Kiến Bình, Tân Lập, Nhơn Hòa, Tân Hòa, Tân Bình.
5. Huyện Thạnh Hóa
 - Hệ số 0,3:
Các xã: Tân Hiệp, Thuận Bình.
 - Hệ số 0,2:
Các xã: Thuận Nghĩa Hòa, Thạnh Phú, Thạnh Phước.
 - Hệ số 0,1:
Các xã: Thạnh An Tân Đông, Tân Tây, Thủy Đông, Thủy Tây.
6. Huyện Đức Huệ
 - Hệ số 0,3:
Các xã: Mỹ Quý Đông, Mỹ Thạnh Tây.
 - Hệ số 0,2:
Các xã: Mỹ Quý Tây, Bình Hòa Hưng, Bình Hòa Nam, Bình Thành, Bình Hòa Bắc, Mỹ Bình.
 - Hệ số 0,1:
Các xã: Mỹ Thạnh Đông, Mỹ Thạnh Bắc.
7. Huyện Đức Hòa
 - Hệ số 0,1:
Xã An Ninh Tây.
8. Huyện Bến Lức
 - Hệ số 0,2:
Các xã: Thạnh Lợi, Thạnh Hòa.
 - Hệ số 0,1:
Xã Bình Đức.
9. Huyện Thủ Thừa
 - Hệ số 0,2:
Các xã: Long Thạnh, Long Thuận, Mỹ Lạc, Mỹ Thạnh, Tân Thành, Tân Lập, Long Thành.
 - Hệ số 0,1:
Xã Mỹ An.
10. Huyện Tân Trụ
 - Hệ số 0,1:
Các xã: Tân Phước Tây, Nhựt Ninh.
11. Huyện Cần Đước
 - Hệ số 0,2:
Các xã: Tân Chánh, Long Hậu Đông, Long Hậu Tây.
12. Huyện Cần Giuộc
 - Hệ số 0,2:
Các xã: Long Hậu, Phước Vĩnh Tây, Đông Thạnh, Long Phụng, Phước Vĩnh Đông, Tân Tập.
 - Hệ số 0,1:
Xã Phước Lợi.
13. Huyện Châu Thành
 - Hệ số 0,1:
Các xã: Thanh Vĩnh Đông, Thuận Mỹ.

 **PHỤ LỤC SỐ 02**
NHÓM MỨC LƯƠNG THEO CÁC LOẠI CÔNG TÁC XÂY LẬP
CỦA BẢNG LƯƠNG A.1.8.
(Kèm theo văn bản số: 111 /SXĐ-HĐ ngày 06/02/2012
của Sở Xây dựng tỉnh Long An).

- NHÓM I:**
- Mộc, nề, sắt;
 - Lắp ghép cấu kiện, thí nghiệm hiện trường;
 - Sơn vôi và cắt lắp kính;
 - Bê tông;
 - Duy tu, bảo dưỡng đường băng sân bay;
 - Sửa chữa cơ khí tại hiện trường;
 - Công việc thủ công khác.
- NHÓM II:**
- Vận hành các loại máy xây dựng;
 - Khảo sát, đo đạc xây dựng;
 - Lắp đặt máy móc, thiết bị, đường ống;
 - Bảo dưỡng máy thi công;
 - Xây dựng đường giao thông;
 - Lắp đặt turbine có công suất < 25 mw;
 - Gác chắn đường ngang, gác chắn cầu chung thuộc ngành đường sắt;
 - Quản lý, sửa chữa thường xuyên đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa;
 - Tuàn đường, tuàn cầu, tuàn hầm đường sắt, đường bộ;
 - Kéo phà, lắp cầu phao thủ công.
- NHÓM III:**
- Xây lắp đường dây điện cao thế;
 - Xây lắp thiết bị trạm biến áp;
 - Xây lắp cầu;
 - Xây lắp công trình thủy;
 - Xây dựng đường băng sân bay;
 - Công nhân địa vật lý;
 - Lắp đặt turbine có công suất ≥ 25 mw;
 - Xây dựng công trình ngầm;
 - Xây dựng công trình ngoài biển;
 - Xây dựng công trình thủy điện, công trình đầu mối thủy lợi;
 - Đại tu, làm mới đường sắt.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH LONG AN
NHÓM MỨC LƯƠNG THEO CÁC LOẠI CÔNG TÁC XÂY LẬP
CỦA BẢNG LƯƠNG A₅

(Kèm theo văn bản số 4114 /SKD-HĐ ngày 06/10/2012
của Sở Xây dựng tỉnh Long An).

- NHÓM I:**
- Mộc, nề, sắt;
 - Lắp ghép cấu kiện, thí nghiệm hiện trường;
 - Sơn vôi và cát lấp kính;
 - Bê tông;
 - Duy tu, bảo dưỡng đường băng sân bay;
 - Sửa chữa cơ khí tại hiện trường;
 - Công việc thủ công khác.

- NHÓM II:**
- Vận hành các loại máy xây dựng;
 - Khảo sát, đo đạc xây dựng;
 - Lắp đặt máy móc, thiết bị, đường ống;
 - Bảo dưỡng máy thi công;
 - Xây dựng đường giao thông;
 - Lắp đặt tua bin có công suất < 25 mw;
 - Duy tu, bảo dưỡng đường bộ, đường sắt.

- NHÓM III:**
- Xây lắp đường dây điện cao thế;
 - Xây lắp thiết bị trạm biến áp;
 - Xây lắp cầu;
 - Xây lắp công trình thủy;
 - Xây dựng đường băng sân bay;
 - Công nhân địa vật lý;
 - Lắp đặt tua bin có công suất ≥ 25 mw.

- NHÓM IV:**
- Xây dựng công trình ngầm;
 - Xây dựng công trình ngoài biển;
 - Xây lắp đường dây điện cao thế 500 KV.



PHỤ LỤC SỐ 4
BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (XÂY DỰNG MỚI)

(Kèm theo văn bản số 111/SXD-ĐD ngày 06/02/2012
 của Sở Xây dựng tỉnh Long An).

CÁC KHOẢN CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH
- Chi phí vật tư	A	Theo thực tế (chưa thuế GTGT)
- Chi phí nhân công	B	Bo x hệ số theo phụ cấp khu vực tương ứng
- Chi phí máy thi công	C	Co x tỉ lệ quy định
- Chi phí trực tiếp khác	D	(A+B+C) x tỉ lệ quy định
* TRỰC TIẾP PHÍ	E	A + B + C + D
- Chi phí chung	F	E x Tỷ lệ quy định
- Thu nhập chịu thuế tính trước	G	(E+F) x Tỷ lệ quy định
* CHI PHÍ XÂY DỰNG TRƯỚC THUẾ	H	E + F + G
Thuế giá trị gia tăng (thuế GTGT)	I	H x tỉ lệ quy định
* CHI PHÍ XÂY DỰNG SAU THUẾ	J	H + I
- Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công.	K	Hx thuế GTGT x Tỷ lệ quy định
* TỔNG GIÁ TRỊ DTXD	L	K + J

*** GHI CHÚ:**

- Bo, Co: Là chi phí nhân công và máy thi công theo Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Long An - Phần xây dựng (Văn bản công bố số 30/SXD-XD ngày 08/01/2008) và Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Long An - Phần lắp đặt (Văn bản công bố số 31/SXD-XD ngày 08/01/2008).



PHỤ LỤC SỐ 44
ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH HÀNH CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG KHI LẬP
TỔNG DỰ TOÁN, DỰ TOÁN ÁP DỤNG BỘ ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Kèm theo văn bản số **111** /SXĐ-HĐ ngày **06/02/2012**
 của Sở Xây dựng tỉnh Long An).

CÁC KHOẢN CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH
- Chi phí vật tư	A	Theo thực tế (chưa thuế GTGT)
- Chi phí nhân công	B	Bo x hệ số theo phụ cấp khu vực tương ứng
- Chi phí máy thi công	C	Co x tỉ lệ quy định
- Chi phí trực tiếp khác	D	(A+B+C) x tỉ lệ quy định
* TRỰC TIẾP PHÍ	E	A+B+C+D
- Chi phí chung	F	E x Tỷ lệ quy định
- Thu nhập chịu thuế tính trước	G	(E+F) x Tỷ lệ quy định
* CHI PHÍ XÂY DỰNG TRƯỚC THUẾ	H	E + F + G
- Thuế giá trị gia tăng (thuế GTGT)	I	H x tỉ lệ quy định
* CHI PHÍ XÂY DỰNG SAU THUẾ	J	H + I
- Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công.	K	H x Tỷ lệ quy định x 1,10
* TỔNG GIÁ TRỊ DTXD	L	K + J

Ghi chú:

Bo, Co: Là chi phí nhân công và máy thi công theo Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị tỉnh Long An đã được công bố.

PHỤ LỤC SỐ 04-b
ĐỊNH MỨC CHI PHÍ QUẢN LÝ CHUNG
ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH VÀ DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG KHÍ LẬP
TỔNG DỰ TOÁN, DỰ TOÁN ÁP DỤNG BỘ ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
Kèm theo văn bản số 1154 /SXD-HĐ ngày 06/10/2012
của Sở Xây dựng tỉnh Long An).

Đơn vị tính : %

Số TT	Loại dịch vụ công ích	Tỷ lệ %
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị	65
2	Duy trì hệ thống thoát nước đô thị	66
3	Duy trì hệ thống chiếu sáng đô thị	67
4	Duy trì hệ thống cây xanh đô thị	68



BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (SỬA CHỮA)

(Kèm theo văn bản số 316/SXD-HĐ ngày 06/02/2012
của Sở Xây dựng tỉnh Long An).

CÁC KHOẢN CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH
- Chi phí vật tư	A	Theo thực tế (chưa thuế GTGT)
- Chi phí nhân công	B	Bo x hệ số theo phụ cấp khu vực trung tâm
- Chi phí máy thi công	C	Co x tỉ lệ quy định
- Chi phí trực tiếp khác	D	(A+B+C) x tỉ lệ quy định
* TRỰC TIẾP PHÍ	E	A+B+C+D
- Chi phí chung	F	E x Tỷ lệ quy định
- Thu nhập chịu thuế tính trước	G	(E+F) x Tỷ lệ quy định
* CHI PHÍ XÂY DỰNG TRƯỚC THUẾ	H	E+F+G
- Thuế giá trị gia tăng (thuế GTGT)	I	H x tỉ lệ quy định
* CHI PHÍ XÂY DỰNG SAU THUẾ	J	H+I
- Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công.	K	H x thuế GTGT x Tỷ lệ quy định
* TỔNG GIÁ TRỊ DTXD	L	K+J

*** GHI CHÚ:**

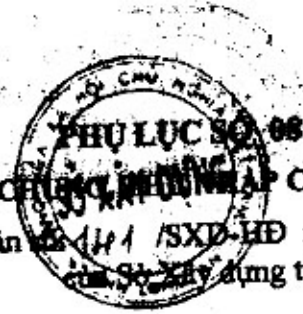
- Bo, Co: Là chi phí nhân công và máy thi công theo Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Long An - Phần đơn giá sửa chữa nhà (Văn bản công bố số 32/SXD-XD ngày 08/01/2008).

PHI LỤC SỐ 06
BẢNG TỔNG HỢP ĐU TOÀN CÔNG TRÌNH
 (Kèm theo **PHI LỤC SỐ 06** / SXD-HĐ ngày 06/02/2012
 của Sở Xây dựng tỉnh Long An).

STT	Khoản mục chi phí	Chi phí Trước thuế	Thuế GTGT	Chi phí Sau thuế
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1	Chi phí xây dựng			G _{XD}
2	Chi phí thiết bị			GTB
3	Chi phí quản lý dự án			GQLDA
4	Chi tư vấn đầu tư xây dựng			GTV
4.1	Chi phí thi tuyển thiết kế kiến trúc			
4.2	Chi phí thiết kế xây dựng công trình			
.....			
5	Chi phí khác			GK
5.1	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ			
5.2	Chi phí bảo hiểm công trình			
...			
6	Chi phí dự phòng (GDP ₁ + GDP ₂)			GDP
6.1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh			GDP ₁
6.2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá			GDP ₂
	Tổng cộng (1+2+3+4+5+6)			GXDCT


PHỤ LỤC SỐ 07
BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ KHẢO SÁT XÂY DỰNG
 (Kèm theo văn bản ngày 06/02/2012
 của Bộ Xây dựng (Lang An).)

CÁC KHOẢN CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH
- Khối lượng của từng loại công việc khảo sát	A	Theo thực tế
- Đơn giá tổng hợp của từng loại công việc khảo sát tương ứng	B	Theo văn bản hướng dẫn
* Trực tiếp phí	C	$A \times B$
- Chi phí lập phương án, báo cáo kết quả khảo sát	D	$C \times 5\%$
Chi phí chỗ ở tạm thời	E	$C \times 5\%$
* Chi phí khảo sát trước thuế	F	$C + D + E$
- Thuế giá trị gia tăng	G	$F \times 11\%$ quy định
* Chi phí khảo sát sau thuế	H	$F + G$
- Chi phí dự phòng	I	Hệ số quy định
Tổng giá trị dự toán khảo sát	J	$H + I$




ĐỊNH MỨC CHI PHÍ CHUNG, THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC

(Kèm theo văn bản số 144/SXD-ĐT ngày 06/02/2012 của Sở Xây dựng tỉnh Long An).

Đơn vị tính: %

STT	LOẠI CÔNG TRÌNH	CHI PHÍ CHUNG		THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC
		TRÊN CHI PHÍ TRỰC TIẾP	TRÊN CHI PHÍ NHÂN CÔNG	
1	Công trình dân dụng	6,5		5,5
	Riêng công trình tu bổ, phục hồi di tích lịch sử, văn hoá	10,0		
2	Công trình công nghiệp	5,5		6,0
	Riêng công trình xây dựng đường hầm, hầm lò	7,0		
3	Công trình giao thông	5,5		6,0
	Riêng công tác duy tu sửa chữa thường xuyên đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hệ thống báo hiệu hàng hải và đường thủy nội địa		66,0	
	Riêng công trình hầm giao thông	7,0		
4	Công trình thủy lợi	5,5		5,5
	Riêng đào, đắp đất công trình thủy lợi bằng thủ công		51,0	
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	5,0		5,5
6	Công tác lắp đặt thiết bị công nghệ trong các công trình xây dựng, công tác xây lắp đường dây, công tác thí nghiệm hiệu chỉnh điện đường dây và trạm biến áp, công tác thí nghiệm vật liệu, cấu kiện và kết cấu xây dựng		65,0	6,0

* **GHI CHÚ:** Thu nhập chịu thuế tính trước được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) so với chi phí trực tiếp và chi phí chung trong dự toán chi phí xây dựng.


PHỤ LỤC SỐ 01
ĐỊNH MỨC CHI PHÍ TRỰC TIẾP KHÁC
 (Kèm theo văn bản số: 111/VN/PC ngày 01/01/2012
 của Sở Xây dựng tỉnh Long An).

Đơn vị tính: %

STT	Loại công trình	Trực tiếp phí khác
1	Công trình dân dụng	
	Trong đô thị	2,5
	Ngoài đô thị	2
2	Công trình công nghiệp	2
	Riêng công tác xây dựng trong hầm lò, hầm thủy điện	6,5
3	Công trình giao thông	2
	Riêng công tác xây dựng trong đường hầm giao thông	6,5
4	Công trình thủy lợi	2
5	Công trình hạ tầng kỹ thuật	
	Trong đô thị	2
	Ngoài đô thị	1,5

Ghi chú: Việc xác định địa phận trong đô thị, ngoài đô thị thực hiện theo quy định hiện hành.